

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 10/3/2022
V/v tranh chấp:
“*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Văn Minh**
2. Ông **Phạm Trung Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham dự phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Thêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 32/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-DS ngày 21/02/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* - Ông **Lý Thành S**, sinh năm: 1962.

- Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng A**, sinh năm: 1964. (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2022).

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị B**, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Tổ Q, ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Ông A, bà B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2021 của nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo ủy quyền ông Lê Hoàng A trình bày:

Vào ngày 08/4/2018, ông S, bà T có cho bà Phạm Thị B vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Sau khi vay, bà B chưa trả tiền vốn và lãi.

Nay ông S, bà T yêu cầu bà B trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 08/4/2018 đến ngày xét xử (Tạm tính từ ngày 08/4/2018 đến ngày 08/01/2022) là 45 tháng, mức lãi suất 1,5%/tháng thành tiền là 337.500.000 đồng.

** Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/01/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị B trình bày:*

Trước đây do cần tiền để sửa nhà và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng năm 2012, bà có vay tiền của ông S, bà T nhiều lần. Đến năm 2016 bà có viết biên nhận nhập vốn và lãi số tiền 500.000.000 đồng. Biên nhận do nguyên đơn cung cấp đúng là do bà viết và ký tên. Số tiền vay này do cá nhân bà vay, ông Bùi Văn K không có vay cùng bà. Chữ ký “K” và chữ viết “Bùi Văn K” trong biên nhận là do bà viết và ký, không phải do ông K viết và ký. Nay bà cũng đồng ý trả cho ông S, bà T số tiền 500.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng và xin không trả lãi.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn bà B xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc thu thập chứng cứ của Tòa án còn chưa đầy đủ, cụ thể: Chưa xác minh làm rõ phía nguyên đơn xác định ai là người vay tiền, ông K có vay tiền và có ký tên vào giấy mượn tiền không để có cơ sở giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa thì Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa đã làm rõ được vấn đề này, bà B và đại diện ủy quyền của ông S, bà T đều thừa nhận tại thời điểm vay chỉ có bà B vay, biên nhận do bà B viết và nhận tiền, ông K không có mặt và cũng không biết sự việc mượn tiền này. Nên không cần phải thu thập tài liệu chứng cứ; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Giữa ông S, bà T có cho bà B vay tiền số tiền vay là 500.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng vào ngày 08/4/2018, phía ông S, bà T có cung cấp được biên nhận để chứng minh yêu cầu của mình. Phía bà B thừa nhận có vay tiền nhiều lần của ông S, bà T và thừa nhận biên nhận mượn tiền ngày 08/4/2018 là do bà B viết ra, không có ông K, chữ viết “Bùi Văn K” và chữ ký “K” là do bà B viết và ký tên, ông K không biết sự việc mượn tiền này, bà B trình bày là có trả lãi 25.000.000 đồng cho bà T nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và bà B không có tài liệu gì để chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay bà B đồng ý trả cho ông S, bà T số tiền 500.000.000 đồng, trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi phát sinh, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bà B, yêu cầu bà B trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Từ đó cho thấy việc bà B vay tiền của ông S, bà T là có thật, khi đến hạn bà B không trả cho ông S, bà T là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị B trả cho ông S, bà T số tiền 500.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông S, bà T kiện tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về đại diện ủy quyền:* Nguyên đơn ông Lý Thành S, bà Trần Thị Kim T ủy quyền cho ông Lê Hoàng A theo văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 10/01/2022. Xét việc ủy quyền của các bên là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự nên ông A là người đại diện theo ủy quyền cho ông S, bà T.

- *Về quan hệ tranh chấp:* Ông S, bà T kiện bà B yêu cầu trả số tiền vay, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Vào ngày 08/4/2018, ông S, bà T có cho bà Phạm Thị B vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng. Theo lời nguyên đơn, bà B chưa trả khoản tiền vốn và lãi nào. Nay ông S, bà T yêu cầu bà B trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 08/4/2018 đến ngày 08/01/2022 mức lãi suất 1,5%/tháng là 45 tháng thành tiền là 337.500.000 đồng, đồng thời nguyên đơn cung cấp chứng cứ là “Giấy mượn tiền” đề ngày 08/4/2018.

Bà B thừa nhận có vay tiền của ông S, bà T nhiều lần. Đến năm 2016, bà có viết biên nhận vốn và lãi thành số tiền 500.000.000 đồng. Biên nhận do nguyên đơn cung cấp đề ngày 08/4/2018 đúng là do bà viết và ký tên. Số tiền vay này do cá nhân bà vay, ông Bùi Văn K không có vay cùng bà. Chữ ký “K” và chữ viết “Bùi Văn K” trong biên nhận là do bà viết và ký, không phải do ông K viết và ký. Nay bà cũng đồng ý trả cho ông S, bà T số tiền 500.000.000 đồng, xin không trả lãi và trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi kết nợ.

[2.1]. Xét thấy, mặc dù tại “Giấy mượn tiền đề ngày 08/4/2018” ở cuối Giấy mượn tiền có dòng chữ “Người chồng” có chữ ký dạng chữ viết “K” và chữ ghi họ tên “Bùi Văn K” nhưng theo lời bà B là Bị đơn khai là do bà viết và ghi họ tên chồng. Thực tế bà là người trực tiếp giao dịch vay và nhận tiền với nguyên đơn. Chồng bà là ông K không biết gì về việc vay tiền này. Lời khai bà B cũng phù hợp và thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng xác định chỉ kiện bà B, vì bà B là người trực tiếp hỏi vay và nhận tiền. Do vậy, không cần thiết phải đưa ông K hoặc hàng thừa kế của ông K (Do ông K đã chết) vào tham gia tố tụng và xác định bà B là người vay tiền của nguyên đơn. Do vậy, xác định Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bà B thực tế phát sinh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, bà B khai chỉ vay số tiền vốn khoảng hơn 200.000.000 đồng, số còn lại là tiền lãi, nên bà mới viết “Giấy mượn tiền” số tiền 500.000.000 đồng, nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và bà B cũng không có chứng cứ chứng minh, nên không chấp nhận lời khai này của bà B. Đồng thời, bà B cũng thừa nhận nguyên đơn đã đến yêu cầu bà trả số tiền này và bà đã hứa trả nhiều lần, nhưng đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Xét chứng cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà B trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà B trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 500.000.000 đồng.

[2.2]. Ngoài ra, nguyên đơn có yêu cầu trả tiền lãi suất theo mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 08/4/2018 đến ngày xét xử. Xét thấy bà B thừa nhận đây là khoản tiền vay có lãi, nên bà B phải trả tiền lãi suất vay.

Theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 08/4/2018 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng. Xét mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá 20%/năm (20% chia cho 12 tháng là 1,67%/tháng), nên chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, thời gian tính tiền lãi từ ngày 08/4/2018 đến ngày xét xử tính tròn là 47 tháng và tiền lãi suất cụ thể như sau: Số tiền 500.000.000 đồng x mức lãi suất 1,5%/tháng x thời gian tính lãi 47 tháng thành tiền lãi phải trả là 352.500.000 đồng.

[2.3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị B trả cho ông S, bà T số tiền vốn lãi tổng cộng là 852.500.000 đồng.

[2.4]. Tại phiên tòa, bà B có yêu cầu xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ. Xét yêu cầu xin trả dần của bà B là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà B.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà B là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nên miễn án phí cho bà B.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T.

- Buộc bà Phạm Thị B trả cho ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T số tiền là 852.500.000 đồng

- Không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà Phạm Thị B.

Kể từ ngày ông S, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị B.

- Hoàn lại ông Lý Thành S và bà Trần Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.125.000 đồng theo biên lai thu số 0001229 ngày 19/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM VĂN NHỊN